

Bản án số: 67/2020/KDTM-ST

Ngày: 10-8-2020

V/v “Tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên Hương

2. Bà Đỗ Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân
quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2019 về
việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 129/2020/QĐXXST- KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2020, Quyết định
hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST – KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm
2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;

Địa chỉ: 643 xa lộ H, KP2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 46 – 48 N, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số 50/2020-UQ ngày 28/5/2020)

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Quốc tế V;

Địa chỉ: Số 3 đường 52, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tr, sinh năm 1977.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2019 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/12/2018 giữa Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) - Bên bán và Công ty TNHH Thương mại Quốc tế V (gọi tắt là Công ty V) - Bên mua đã ký Hợp đồng kinh tế số 1418/2018/HĐKT-TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Thi công xây lắp hạng mục phân pha dây dẫn đường dây 110kv Trảng Bàng 2 - Bến Cầu, địa điểm Ngăn lộ 178 trạm 220kv Trảng Bàng 2 đến Ngăn lộ 172 Trạm 110kv Bến Cầu.

Tổng số tiền bê tông đã cấp, tính theo đơn giá trên hợp đồng là 251.100.000 đồng. Tính đến nay, Công ty V đã thanh toán cho Công ty S với tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Số tiền còn lại mà phía bị đơn chưa thanh toán là 81.100.000 đồng.

Trong quá trình thụ lý vụ án, ngày 16/01/2020 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn thêm số tiền 40.000.000 đồng nên nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 41.100.000 đồng và tiền lãi trả chậm thanh toán 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng và 0.028%/ngày) đối với số tiền còn nợ tạm tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày 10/8/2020 là 2.311.464 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 10/8/2020 là 43.411.464 đồng.

Do bị đơn Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi tạm tính đến ngày 10/8/2020 là 43.411.464 đồng, yêu cầu thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, Công ty V do ông Vũ Trọng H là người đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền nợ là 41.100.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng và 0.028%/ngày) đối với số tiền nợ do bị đơn chậm thanh toán, tiền lãi tạm tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày 10/8/2020, tổng số tiền yêu cầu là 43.411.464 đồng, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, Công ty V do ông Vũ Trọng Hải là người đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư

cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, Công ty S yêu cầu Công ty V thanh toán tiền mua hàng còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Xét, bị đơn Công ty V có trụ sở tại số 3 Đường 52, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Công ty S khởi kiện Công ty V tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.3] Về tư cách tố tụng: Xét Giấy ủy quyền số 50/2020-UQ ngày 28/5/2020 của Công ty S là ủy quyền hợp lệ nên bà Huỳnh Thị Ngọc H có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – Công ty V do ông Vũ Tr là người đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án thông đạt hợp lệ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 1418/2018/HĐKT-TGN ngày 20/12/2018 về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình Thi công xây lắp hạng mục phân pha dây dẫn đường dây 110kv Trảng Bàng 2 - Bến Cầu, địa điểm Ngăn lộ 178 trạm 220kv Trảng Bàng 2 đến Ngăn lộ 172 Trạm 110kv Bến Cầu và căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0008804, số 0009937 thì cho thấy phía nguyên đơn đã cung cấp cho phía bị đơn với tổng số tiền bê tông đã cấp, tính theo đơn giá trên hợp đồng là 251.100.000 đồng. Do Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty V trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

Căn cứ các Bảng tính lãi chậm thanh toán các ngày 11/10/2019, 04/3/2020, 15/5/2020 do Công ty S cung cấp có cơ sở khẳng định rằng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho phía nguyên đơn với tổng số tiền nợ gốc còn thiếu là 41.100.000 đồng.

Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 41.100.000 đồng căn cứ quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

[2.1]. Về lãi chậm trả:

Tại khoản 3.5 Điều 3 Hợp đồng kinh tế 1418/2018/HĐKT/TGN hai bên thỏa thuận về thanh toán trễ hạn như sau:

“Trong trường hợp có nợ quá hạn, Bên A có quyền tạm ngưng cung cấp hàng cho Bên B cho đến khi nhận được thanh toán của Bên B và Bên B sẽ phải trả lãi suất nợ quá hạn là 1.5%/tháng cho các hóa đơn chưa thanh toán”.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Tại bản tự khai đề ngày 15/05/2020, bà Huỳnh Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn xác nhận đề nghị tiền lãi trả chậm thanh toán 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng và 0.028%/ngày) cho số tiền chưa thanh toán. Như vậy yêu cầu này của phía nguyên đơn là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/01/2020 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi dựa trên số nợ gốc còn thiếu là 41.100.000 đồng tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 17/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Theo đó, số tiền lãi được tính cụ thể như sau: từ ngày 17/01/2020 đến ngày 10/8/2020 là 06 tháng 23 ngày, tổng số tiền lãi là: $(41.100.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng}) + (41.100.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ ngày} \times 0.028\%/\text{tháng}) = 2.311.464 \text{ đồng}$.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Xét, Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty S yêu cầu Công ty V thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty V phải chịu án phí. Công ty S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại 2005;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Quốc tế V thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S tiền mua hàng còn thiếu và tiền lãi tạm tính tổng cộng là 43.411.464 (Bốn mươi ba triệu bốn trăm mười một nghìn bốn trăm sáu mươi bốn) đồng.

Thời hạn và phương thức thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Quốc tế V phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 2.385.265 (Hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039641 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VP, hồ sơ.

Dương Thị Lan Ngọc